

Bản án số 38/2018/KDTM-PT
Ngày 26-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Chính

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dương
Ông Nguyễn Xuân Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hồng Phương, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018 và ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLPT-KDTM ngày 26 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 703/2018/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 880/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A, địa chỉ: X đường D, quận E, thành phố Hà Nội; địa chỉ chi nhánh Hải Phòng: X, đường F, quận G, Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP A – chi nhánh Hải Phòng (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 1595A/UQ-PKH-KHDN ngày 04/10/2017), có mặt.

Bị đơn: Công ty Cổ phần B, địa chỉ: Số X đường F, quận G, Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Bá T, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính và kế toán Công ty Cổ phần B (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 360/UQ-CÔNG TY B ngày 21 tháng 5 năm 2018), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đoàn Thành Tr, Luật sư Văn phòng Luật sư Z, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP C, địa chỉ: Số Y đường I, phường K, quận M, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thanh T, Giám đốc tổ tụng và mua bán nợ; ông Nguyễn Thế Tr, Giám đốc quản lý khách hàng Ngân hàng TMCP C và ông Đặng Văn C, Giám đốc quản lý khách hàng Ngân hàng TMCP C (Giấy ủy quyền số 3335/2018/UQ-TGĐ12 ngày 27 tháng 8 năm 2018). Ông T, ông T có mặt, ông C vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn là Công ty Cổ phần B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Năm 2007, Ngân hàng TMCP A (sau đây viết tắt là NGÂN HÀNG A) cùng với Ngân hàng TMCP C (sau đây viết tắt là NGÂN HÀNG C) đã ký 02 hợp đồng đồng tài trợ để hợp vốn đồng tài trợ cho bên nhận tài trợ là Công ty Cổ phần B (sau đây viết tắt là CÔNG TY B) thực hiện hai dự án mua tàu biển phục vụ hoạt động kinh doanh của CÔNG TY B. Theo đó, NGÂN HÀNG C là Ngân hàng đầu mối theo ủy quyền của NGÂN HÀNG A, đại diện cho Bên cho vay (NGÂN HÀNG C và NGÂN HÀNG A) ký với CÔNG TY B các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản và các văn bản, giấy tờ khác có liên quan; đồng thời lưu giữ hồ sơ tín dụng, hồ sơ thế chấp và các chứng từ kèm theo.

Căn cứ các hợp đồng đồng tài trợ, NGÂN HÀNG C (đại diện cho các bên đồng tài trợ) đã ký với CÔNG TY B (là Bên vay vốn) 02 hợp đồng tín dụng dài hạn: Số 0020/07/HP ngày 12/02/2007 để vay với số tiền 32.000.000 USD, trong đó NGÂN HÀNG A cho vay 28.000.000 USD; và Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP ngày 26/9/2007 để vay với số tiền 52.740.000 USD, trong đó NGÂN HÀNG A cho vay 49.839.300 USD. Mục đích vay để CÔNG TY B mua các tàu chở dầu; thời hạn vay 120 tháng (Sau đó gia hạn là 156 tháng); lãi suất tiền vay theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng dài hạn.

Các khoản vay trên được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp sau:

1. Tàu biển Đại Nam: Giấy chứng nhận đăng ký thế chấp tàu biển số 129/ĐKTC-2008.HP ngày 21/7/2008 và Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung thế chấp tàu biển đã đăng ký số 80/ĐKTC-2017.HP(TĐ) ngày 21/9/2017 (số đăng ký: VN-2460- TD ngày 18/02/2008, chủ tàu: Công ty Cổ phần B - theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay ngày 21/03/2007 và các văn bản thỏa

thuận sửa đổi hợp đồng ngày 16/7/2008 và ngày 27/12/2013 được công chứng tại Phòng Công chứng số 3 thành phố Hải Phòng).

2. Tàu biển Đại Minh: Giấy chứng nhận đăng ký thể chấp tàu biển số 128/ĐKTC-2008.HP ngày 21/7/2008 và Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung thể chấp tàu biển đã đăng ký số 16/ĐKTC-2017.HP(TĐ) ngày 16/02/2017 (số đăng ký (cũ) VN-2563-TD ngày 09/5/2008, số đăng ký (mới) HP-OIL-000123-4, chủ tàu: Công ty Cổ phần B theo Hợp đồng thể chấp tài sản hình thành trong tương lai ngày 08/11/2007 và các văn bản thỏa thuận sửa đổi hợp đồng ngày 16/7/2008 và 14/02/2017 được công chứng tại Phòng Công chứng số 3 thành phố Hải Phòng).

3. Tàu biển Fortune Freighter: Giấy chứng nhận đăng ký thể chấp tàu biển số 65/ĐKTC-2013.HP ngày 26/7/2013 (số đăng ký VN-2831-VT ngày 12/3/2009, chủ tàu: Công ty Cổ phần B theo Hợp đồng thể chấp tàu biển ngày 25/07/2013 được công chứng tại Phòng Công chứng số 3 thành phố Hải Phòng).

Tất cả những tài sản thế chấp nêu trên đều được Chi cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng chứng nhận về việc Đăng ký thể chấp tàu biển.

Theo Hợp đồng đồng tài trợ số 01/02-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 12/02/2007, tỷ lệ số tiền tài trợ của: NGÂN HÀNG A cho CÔNG TY B vay là 87,5%, NGÂN HÀNG C cho CÔNG TY B vay là 12,5%; theo Hợp đồng đồng tài trợ số 002/09-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 26/9/2007, tỷ lệ số tiền tài trợ của: NGÂN HÀNG A cho CÔNG TY B vay là 94,5%, NGÂN HÀNG C cho CÔNG TY B vay là 5,5%.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng, NGÂN HÀNG A đã thực hiện việc giải ngân tiền vay cho CÔNG TY B theo đúng như cam kết là 77.839.300 USD trong tổng số tiền cho vay (NGÂN HÀNG A và NGÂN HÀNG C) 84.740.000 USD theo các khế ước nhận nợ số 0020.01/07/HP ngày 22/03/2007, số 0097.01/07/HP ngày 19/11/2007. CÔNG TY B đã trả cho NGÂN HÀNG A được số tiền nợ gốc 55.145.544 USD trong tổng số tiền gốc đã trả cho các bên đồng tài trợ (NGÂN HÀNG A và NGÂN HÀNG C) là 60.623.909 USD.

Từ ngày 21/08/2017, CÔNG TY B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không trả nợ cho NGÂN HÀNG A theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng dài hạn đã ký. NGÂN HÀNG A thường xuyên đôn đốc việc trả nợ cũng như tạo mọi điều kiện cho CÔNG TY B có thể cân đối tài chính nhưng CÔNG TY B vẫn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ của mình.

Tính đến hết ngày 02/03/2018, CÔNG TY B còn nợ NGÂN HÀNG A và NGÂN HÀNG C là **24.769.398,29** USD, trong đó NGÂN HÀNG A là **23.309.401,31** USD. Tỷ giá quy đổi là tỷ giá tạm tính theo công bố của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vào ngày 01/03/2018: 1 USD = 22.473 VND. Cụ thể như sau:

- Hợp đồng đồng tài trợ số 01/02-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 12/02/2007, Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0020/07/HP ngày 12/02/2007, số tiền nợ là: 8.618.976,80 USD, gồm: Nợ gốc 8.400.000,00 USD (NGÂN HÀNG A là

7.350.000,00 USD; NGÂN HÀNG C là 1.050.000,00 USD); Nợ lãi trong hạn quá hạn 211.788,64 USD (NGÂN HÀNG A là 185.315,06 USD; NGÂN HÀNG C là 26.473,58 USD), Nợ lãi quá hạn: 7.188,16 USD (NGÂN HÀNG A là 6.289,64 USD, NGÂN HÀNG C là 898,52 USD).

- Hợp đồng đồng tài trợ số 002/09-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 26/09/2007, Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP ngày 26/09/2007, số tiền nợ là: 16.150.421,49 USD, gồm: Nợ gốc 15,716,091.00 USD (NGÂN HÀNG A là 15.343.756,00 USD; NGÂN HÀNG C là 372.335,00 USD); Nợ lãi trong hạn quá hạn 417.900,82 USD (NGÂN HÀNG A là 408.000,19 USD; NGÂN HÀNG C là 9.900,63 USD). Nợ lãi quá hạn là: 16.429,67 USD (NGÂN HÀNG A là 16.040,42 USD; NGÂN HÀNG C là 389,25 USD).

Vì vậy, NGÂN HÀNG A đã độc lập khởi kiện CÔNG TY B vi phạm các điều khoản về việc trả nợ quy định tại các hợp đồng tín dụng dài hạn với những nội dung sau:

1. Buộc CÔNG TY B phải thanh toán trả ngay cho NGÂN HÀNG A tính đến ngày xét xử 02/03/2018 theo: Hợp đồng đồng tài trợ số 01/02-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 12/02/2007 và Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0020/07/HP ngày 12/02/2007; Hợp đồng đồng tài trợ số 002/09-2007/HĐ ĐTT- NGÂN HÀNG CHP ngày 26/9/2007 và Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP ngày 26/9/2007 với tổng số tiền là **23.309.401,31 đô la Mỹ (USD)**, trong đó:

Nợ gốc: 22.693.756 USD;

Nợ lãi trong hạn quá hạn: 593.315,25 USD;

Nợ lãi quá hạn: 22.330,06 USD.

(Tỷ giá quy đổi là tỷ giá tạm tính theo công bố của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vào ngày 01/03/2018: 1 USD = 22.473 VND)

Chi tiết số tiền nợ của từng hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0020/07/HP ngày 12/02/2007 là: 7.541.604,70 USD, gồm:

Nợ gốc: 7.350.000,00 USD;

Nợ lãi trong hạn quá hạn: 185.315,06 USD;

Nợ lãi quá hạn: 6.289,64 USD.

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP ngày 26/9/2007 là: 15.767.796,61 USD, gồm:

Nợ gốc: 15.343.756,00 USD;

Nợ lãi trong hạn quá hạn: 408.000,19 USD;

Nợ lãi quá hạn: 16.040,42 USD.

2. CÔNG TY B phải tiếp tục trả khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc nói trên và các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận giữa các bên tại các Hợp đồng tín dụng dài hạn đã ký kể từ ngày 03/3/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

3. Trường hợp CÔNG TY B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, NGÂN HÀNG A có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ:

- Tàu biển Đại Minh, Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số HP-OIL-00123-4 ngày 06/01/2017, chủ sở hữu: Công ty Cổ phần B.

- Tàu biển Đại Nam: Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số VN-2460-TD ngày 18/02/2008, chủ sở hữu: Công ty Cổ phần B.

- Tàu biển Fortune Freighter: Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số VN-2831-VT ngày 24/04/2012, chủ sở hữu: Công ty Cổ phần B.

(Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay ngày 21/03/2007; Hợp đồng thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai ngày 08/11/2007 và Hợp đồng thế chấp tàu biển ngày 25/7/2013).

4. Đề nghị Toà án nhân dân quận Ngô Quyền ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ 03 tàu biển nói trên là tài sản bảo đảm cho các khoản vay của CÔNG TY B tại NGÂN HÀNG A.

Tại văn bản trình bày ý kiến và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày:

Công ty Cổ phần B (CÔNG TY B) có Đăng ký kinh doanh số 0200106490 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01/01/2008, thay đổi lần thứ 13 ngày 04/5/2017.

CÔNG TY B xác nhận có ký với NGÂN HÀNG C và NGÂN HÀNG A: Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP ngày 26/09/2007 để vay số tiền 52.740.000 USD và Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0020/07/HP ngày 12/02/2007 để vay số tiền 32.000.000 USD. Mục đích vay tiền để thực hiện hai dự án mua các tàu biển chở dầu của Công ty; thời hạn vay 120 tháng; lãi suất tiền vay theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng dài hạn và các phụ lục hợp đồng. Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên là ba tàu biển của CÔNG TY B: Đại Nam, Đại Minh và Fortuner Freighter. Các tài sản bảo đảm đều được đăng ký thế chấp theo quy định. Hiện tại, các tàu biển đang hoạt động trên các tuyến nội địa, quốc tế và chủ sở hữu hợp pháp của ba tàu biển trên thuộc CÔNG TY B, không tranh chấp, không chuyển nhượng cho cá nhân, tổ chức nào.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng, CÔNG TY B đã thanh toán được cho NGÂN HÀNG A và NGÂN HÀNG C theo hai Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP ngày 26/09/2007 và Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0020/07/HP ngày 12/02/2007 với tổng số tiền là 75.123.909 USD, cụ thể: Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP ngày 26/09/2007 đã trả được nợ gốc 37.023.909 USD và tiền lãi

khoảng 9.500.000 USD; Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0020/07/HP ngày 12/02/2007 đã trả được nợ gốc 23.600.000 USD và tiền lãi khoảng 5.000.000 USD. CÔNG TY B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo cam kết thỏa thuận đã ký từ ngày 19/8/2017 đối với Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP; từ ngày 22/9/2017 đối với Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0020/07/HP.

CÔNG TY B xác nhận tính đến thời điểm ngày 24/11/2016 còn nợ NGÂN HÀNG A và NGÂN HÀNG C số tiền gốc theo hai Hợp đồng tín dụng dài hạn đã ký trên là **24.116.091 USD**, gồm: Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0020/07/HP là 8.400.000 USD; Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP là 15.716.091 USD. Trong đó, còn nợ gốc của NGÂN HÀNG A là **22.693.756 USD**: Số tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0020/07/HP là 7.350.000 USD và số tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP là 15.343.756 USD.

Về số tiền nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn: tính đến thời điểm hiện nay do Ngân hàng cập nhật, CÔNG TY B chưa xác định được số tiền nợ lãi của CÔNG TY B theo hai hợp đồng tín dụng dài hạn đã ký với NGÂN HÀNG A và NGÂN HÀNG C.

CÔNG TY B xác nhận số tiền gốc còn nợ nguyên đơn theo nguyên đơn trình bày đến thời điểm hiện tại là đúng. Tuy nhiên, do những khó khăn khách quan của thị trường vận tải biển kéo dài từ năm 2008 đến nay làm cho việc kinh doanh của CÔNG TY B liên tục thua lỗ, tài chính gặp nhiều khó khăn nên nguồn vốn lưu động bị thiếu hụt nghiêm trọng. CÔNG TY B cần phải ưu tiên nguồn tiền để thanh toán cho các nhà cung ứng nhiên vật liệu, cảng phí, sửa chữa, thuế, phí, lệ phí liên quan và lương cho thuyền viên,... nhằm duy trì hoạt động của đội tàu của CÔNG TY B, đảm bảo sự an toàn của con tàu và cũng là an toàn các tài sản thế chấp. Do đó, CÔNG TY B không thể thực hiện việc thanh toán trả nợ gốc và lãi cho tất cả các tổ chức tín dụng, trong đó có NGÂN HÀNG A theo đúng cam kết đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng dài hạn đã ký.

Mặt khác, CÔNG TY B là doanh nghiệp cổ phần, những người đại diện phần vốn của Nhà nước tại CÔNG TY B cũng đồng thời là Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc. Theo đó, ngoài việc điều hành doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp, còn phải tuân theo Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản pháp luật liên quan đến người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp có vốn cổ phần Nhà nước trên 50%, văn bản của cơ quan quản lý. Chính vì vậy, CÔNG TY B phải thực hiện theo Nghị quyết số 107/NQ-CP của Chính phủ ngày 10/10/2017. Thực hiện Nghị quyết này, Chính phủ đã yêu cầu Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam (viết tắt là DATC) - Công ty trực thuộc Bộ Tài chính đứng ra mua các khoản nợ của CÔNG TY B bằng tiền của Nhà nước. Điều này thể hiện Chính phủ hỗ trợ CÔNG TY B vượt qua khó khăn, từng bước phát triển đội tàu biển quốc gia và ngành hàng hải Việt Nam.

Vì vậy, quan điểm của CÔNG TY B về các yêu cầu khởi kiện của NGÂN HÀNG A như sau:

- Về khoản tiền vay nợ gốc và nợ lãi của CÔNG TY B tại NGÂN HÀNG A: Thời điểm hiện tại, CÔNG TY B không có nguồn tiền để trả nợ cho NGÂN HÀNG A và chưa có phương án cụ thể để giải quyết khoản nợ trên theo yêu cầu khởi kiện của NGÂN HÀNG A. CÔNG TY B đề nghị NGÂN HÀNG A tạo điều kiện kéo dài thời gian trả nợ cho CÔNG TY B và đồng ý phương án tái cơ cấu tài chính theo Nghị quyết 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính phủ để CÔNG TY B thanh toán được các khoản nợ của mình tại NGÂN HÀNG A và NGÂN HÀNG C.

- Đối với yêu cầu bắt giữ các tàu biển Đại Minh, Đại Nam và Fortune Freighter của CÔNG TY B: Do đội tàu của CÔNG TY B có phạm vi hoạt động khắp các vùng biển. Việc áp dụng biện pháp bắt giữ tàu đối với bất kỳ con tàu nào đều gây tổn thất lớn về uy tín, tài sản và các hệ lụy khác cho các bên như: CÔNG TY B không còn doanh thu từ tàu biển, không còn nguồn tài chính để thanh toán các chi phí cho tàu và mua nguyên nhiên vật liệu, tiền lương, chi phí mua bảo hiểm,... Do đó, nếu muốn tránh được rủi ro tổn thất phát sinh, NGÂN HÀNG A sẽ phải chi phí mua bảo hiểm cho con tàu, thuê thuyền viên để quản lý, điều hành, bảo quản, bảo dưỡng, chi phí tiền lương cho thuyền viên, các loại phí bến cảng, neo đậu ... để duy trì trạng thái hoạt động và an toàn của con tàu. Bên cạnh đó, việc tái cơ cấu tài chính theo Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính phủ sẽ không thực hiện được, ảnh hưởng đến trong việc duy trì, từng bước khắc phục và phát triển đội tàu biển quốc gia là Vinalines và các doanh nghiệp thành viên, đứng đầu là CÔNG TY B. Chính vì vậy, CÔNG TY B mong muốn NGÂN HÀNG A thực hiện sự điều hành của Ngân hàng Nhà nước, của Chính phủ; đồng thời CÔNG TY B đề nghị Tòa án xem xét, không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ bất cứ con tàu nào của CÔNG TY B như nội dung yêu cầu khởi kiện của NGÂN HÀNG A mà để DATC đứng ra mua các khoản nợ của CÔNG TY B, tránh tổn thất cho CÔNG TY B và NGÂN HÀNG A.

Tại văn bản trình bày ý kiến và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của người có quyền và lợi ích liên quan trình bày:

NGÂN HÀNG C xác nhận, NGÂN HÀNG C hợp vốn cùng với NGÂN HÀNG A theo Hợp đồng đồng tài trợ số 01/02-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 12/02/2007 và Hợp đồng đồng tài trợ số 002/09-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 26/9/2007 để cho CÔNG TY B vay tiền dự án mua tàu biển theo hai Hợp đồng tín dụng dài hạn như NGÂN HÀNG A trình bày là đúng. Theo đó, NGÂN HÀNG C là Ngân hàng đầu mối theo ủy quyền của NGÂN HÀNG A, đại diện cho Bên cho vay là NGÂN HÀNG A và NGÂN HÀNG C để ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và các giấy tờ có liên quan.

Tỉ lệ số tiền tài trợ của NGÂN HÀNG A cho CÔNG TY B vay tại Hợp đồng đồng tài trợ số 001/02-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 12/02/2007 là

87,5% và Hợp đồng đồng tài trợ số 002/09-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 26/9/2007 là 97,63% (số tiền gốc còn nợ phải thu là 7.350.000 USD + 15.343.756 USD = 22.693.756 USD); tỉ lệ số tiền tài trợ của NGÂN HÀNG C cho CÔNG TY B vay tại Hợp đồng đồng tài trợ số 001/02-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 12/02/2017 là 12,5% và Hợp đồng đồng tài trợ số 002/09-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 26/9/2007 là 2,37% (số tiền gốc còn nợ phải thu là 1.050.000 USD + 372.335 USD = 1.422.335 USD).

Quá trình thực hiện các hợp đồng, CÔNG TY B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay cho NGÂN HÀNG A và NGÂN HÀNG C theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng dài hạn đã ký. Ngày 27/12/2017, NGÂN HÀNG C đã gửi biên bản xác nhận dư nợ các khoản vay của CÔNG TY B theo hai hợp đồng tín dụng dài hạn. Tuy nhiên, CÔNG TY B mới xác nhận số tiền nợ gốc và chưa đồng ý với đối chiếu về tiền nợ lãi với lý do chưa có thông tin đầy đủ về lãi suất áp dụng để tính lãi. Tính đến hết ngày 30/11/2017, các khoản nợ của CÔNG TY B tại NGÂN HÀNG A và NGÂN HÀNG C như sau:

1. Khoản vay để mua tàu biển Đại Nam theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0020/07/HP ngày 12/02/2007: Dư nợ tổng: 8.400.000 USD; Trong đó: Gốc quá hạn 600.000 USD; lãi dự thu quá hạn 131.071,96 USD; lãi phạt 2.039,98 USD; phí thu xếp vốn 1.890 USD.

2. Khoản vay để mua tàu biển Đại Minh theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP ngày 26/09/2007: Dư nợ tổng 15.716.091 USD; Trong đó: Gốc quá hạn 2.245.156 USD; lãi dự thu trong hạn quá hạn 277.223,43 USD; lãi phạt 5.901,13 USD; phí thu xếp vốn 4.248,27 USD.

NGÂN HÀNG C đã có thông báo về số tiền nợ đến hạn, quá hạn và nhiều lần làm việc, đôn đốc, yêu cầu trả nợ nhưng CÔNG TY B vẫn không thực hiện. Do vậy, NGÂN HÀNG A đã khởi kiện CÔNG TY B tại Tòa án.

Quan điểm của NGÂN HÀNG C về các yêu cầu khởi kiện của NGÂN HÀNG A đối với CÔNG TY B như sau: NGÂN HÀNG C đồng ý và không có ý kiến gì đối với các nội dung khởi kiện của NGÂN HÀNG A yêu cầu CÔNG TY B phải thanh toán trả số tiền nợ vay cho NGÂN HÀNG A như đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án của NGÂN HÀNG A. Đồng thời, NGÂN HÀNG C không có yêu cầu độc lập về việc yêu cầu CÔNG TY B phải thanh toán trả các khoản nợ vay cho NGÂN HÀNG C theo các Hợp đồng tín dụng dài hạn đã ký trong vụ án này.

Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm: Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122; Điều 124; Điều 323; khoản 7 Điều 351; Điều 355; khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đối với Công ty Cổ phần B về việc: Buộc Công ty Cổ phần B phải thanh toán trả ngay cho Ngân hàng TMCP Atính đến hết ngày 02/03/2018 theo: Hợp đồng đồng tài trợ số 002/09-2007/HĐ ĐTT- NGÂN HÀNG CHP ngày 26/9/2007 và Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP ngày 26/9/2007; Hợp đồng đồng tài trợ số 01/02-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 12/02/2007 và Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0020/07/HP ngày 12/02/2007 tổng số tiền là **23.309.401,31 USD** (hai mươi ba triệu, ba trăm linh chín nghìn, bốn trăm linh một phẩy ba mươi một đô la Mỹ) tương đương **523.832.175.688 đồng** (năm trăm hai mươi ba tỷ, tám trăm ba mươi hai triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm tám mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc 22.693.756 USD tương đương 509.996.778.588 đồng; Nợ lãi trong hạn quá hạn 593.315,25 USD tương đương 13.333.573.608 đồng; Nợ lãi quá hạn 22.330,06 USD tương đương 501.823.492 đồng (tỷ giá quy đổi là tỷ giá tạm tính theo công bố của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vào ngày 01/03/2018: 1 USD = 22.473 VND).

Chi tiết số tiền nợ theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP ngày 26/9/2007 là: 15.767.796,61 USD tương đương 354.349.693.134 đồng, gồm: Nợ gốc 15.343.756,00 USD tương đương 344.820.228.588 đồng; Nợ lãi trong hạn quá hạn 408.000,19 USD tương đương 9.168.988.264 đồng; Nợ lãi quá hạn 16.040,42 USD tương đương 360.476.282 đồng;

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0020/07/HP ngày 12/02/2007 là: 7.541.604,70 USD tương đương 169.482.482.329 đồng, gồm: Nợ gốc 7.350.000,00 USD tương đương 165.176.550.000 đồng; Nợ lãi trong hạn quá hạn 185.315,06 USD tương đương 4.164.585.343 đồng; Nợ lãi quá hạn 6.289,64 USD tương đương 141.346.986 đồng.

1.1. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Trường hợp Công ty Cổ phần B không trả được số tiền trên cho Ngân hàng TMCP A thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân

sự có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm sau để thu hồi số tiền nợ là **23.309.401,31 USD** (hai mươi ba triệu, ba trăm linh chín nghìn, bốn trăm linh một phẩy ba mươi một đô la Mỹ):

- Tàu biển Đại Minh: Hồ hiệu/Số IMO: 3WVA/9282297 loại tàu: Tàu dầu; năm đóng: 2004; nơi đóng: Nhật Bản; theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số HP-OIL-00123-4 ngày 06/01/2017, chủ sở hữu: Công ty Cổ phần B.

- Tàu biển Đại Nam: Hồ hiệu/Số IMO: 3WRY/9212474 loại tàu: Tàu trở dầu vỏ kép; năm đóng: 2000; nơi đóng: Nhật Bản; theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số VN-2460-TD ngày 18/02/2008, chủ sở hữu: Công ty Cổ phần B.

- Tàu biển Fortune Freighter: Hồ hiệu/Số IMO: XVQH/9168520 loại tàu: Tàu trở Container; năm đóng: 1997; nơi đóng: Nhật Bản; theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số VN-2831-VT do Chi cục hàng hải Việt Nam tại Hải Phòng cấp cho Công ty Cổ phần B ngày 24/04/2012.

(Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay ngày 21/03/2007; Hợp đồng thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai ngày 08/11/2007 và Hợp đồng thế chấp tàu biển ngày 25/7/2013)

1.2.1. Khi phát mại các tài sản bảo đảm nói trên, số tiền thu hồi nợ của Ngân hàng TMCP A được tính theo tỷ lệ số tiền còn nợ của Công ty Cổ phần B với Ngân hàng TMCP C trên tổng giá trị các tài sản bảo đảm tại thời điểm phát mại. Cụ thể, Hợp đồng đồng tài trợ số 002/09-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 26/9/2007 và Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP ngày 26/9/2007 là 97,63% và Hợp đồng đồng tài trợ số 01/02-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 12/02/2007 và Hợp đồng tín dụng số 0020/07/HP ngày 12/02/2007 là 87,5%.

1.2.2. Số tiền thu được từ việc bán tài sản thế chấp được thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo quy định cụ thể tại các hợp đồng thế chấp đã ký giữa Ngân hàng TMCP C. Trường hợp số tiền bán tài sản lớn hơn khoản nợ phải trả cho Ngân hàng thì phần chênh lệch sẽ trả lại cho bên thế chấp. Tài sản thế chấp sau khi được xử lý nếu không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần B phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả số tiền còn nợ.

1.3. Các tài sản trên còn là tài sản bảo đảm cho các khoản nợ còn lại của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng TMCP C theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP ngày 26/9/2007 và Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0020/07/HP ngày 12/02/2007.

2. Không xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với Công ty Cổ phần B về việc đề nghị Toà án ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ ba tàu biển Đại Minh, Đại Nam và Fortune Freighter là tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Nội dung kháng cáo: Ngày 16 tháng 3 năm 2018, Công ty Cổ phần B kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu nguyên đơn phải tuân thủ và thực hiện Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 10-10-2017 của Chính Phủ cũng như công văn chỉ đạo số 1024/NHNN-TD.m ngày 31-10-2017 của Ngân hàng Nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không đúng (tuyên bị đơn phải trả nợ gốc, chịu lãi quá hạn, có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm), đã gây thiệt hại cho CÔNG TY B. Bản án sơ thẩm cũng viện dẫn pháp luật chưa đầy đủ, chưa xem xét kỹ các yêu cầu, đề nghị của CÔNG TY B. Lý do là: VIETCOMBANK không có quyền khởi kiện bởi CÔNG TY B không tham gia ký kết với VIETCOMBANK các hợp đồng đồng tài trợ, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản... nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ với VIETCOMBANK. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý không đúng thẩm quyền do nguyên đơn không có quyền khởi kiện và có yêu cầu bắt giữ tàu biển không đúng nhưng Tòa sơ thẩm vẫn thụ lý trong khi Tòa án cấp tỉnh mới có thẩm quyền bắt giữ tàu biển. Mặt khác, căn cứ Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2017 phê duyệt phương án tái cơ cấu đối với Tổng Công ty VINALINES và các đơn vị thành viên, chỉ đạo Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC) mua lại khoản nợ của CÔNG TY B đối với các Ngân hàng thương mại theo giá thị trường. Các Bộ, ngành có liên quan cũng có văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện, Ngân hàng Nhà nước cũng có văn bản chỉ đạo gửi các Ngân hàng thương mại... Do vậy các đơn vị phải tuân thủ thực hiện nghiêm theo Nghị quyết trên của Chính phủ. Vì vậy, CÔNG TY B đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn, xử hủy bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu các bên thực hiện nghiêm theo Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn có ý kiến nhất trí với các ý kiến, quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; do án sơ thẩm không xét đề nghị của nguyên đơn về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ các tàu biển thế chấp nên bị đơn xin rút yêu cầu kháng cáo về nội dung này; bị đơn Đề nghị Tòa án tiếp tục ngừng phiên tòa để các bên đối chiếu mức lãi suất tính lãi vay.

* Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu đã nêu trong quá trình giải quyết tại Tòa sơ thẩm và có ý kiến bổ sung như sau:

+ Điều chỉnh về số liệu tính lãi chuẩn lại theo mức lãi suất của đồng đô la Mỹ, kỳ hạn 6 tháng được hiện thị trên màn hình REUTER tại trang LIBOR 01 tại

thời điểm 11 giờ hàng ngày theo giờ Luân đôn như thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng đã ký (do mức lãi NGÂN HÀNG C cung cấp trước đó theo Thông báo 1620/2017/TB-TGD12 ngày 09/6/2017 là 3,1991% là không chính xác)...Cụ thể như sau:

- Hợp đồng đồng tài trợ số 01/02-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 12/02/2007, Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0020/07/HP ngày 12/02/2007:

Lãi trong hạn quá hạn: NGÂN HÀNG C- 26.473,75; NGÂN HÀNG A- 185.316,24; tổng- 211.789,99 (USD)

Lãi quá hạn: NGÂN HÀNG C-898,53; NGÂN HÀNG A- 6.289,69; Tổng- 7.188,22 (USD)

Tổng cộng: NGÂN HÀNG C-27.372,28; NGÂN HÀNG A- 191.605,93; Tổng- 218.545,44 (USD)

- Hợp đồng đồng tài trợ số 002/09-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 26/9/2007, Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP ngày 26/9/2007:

Lãi trong hạn quá hạn: NGÂN HÀNG C- 9.915,90; NGÂN HÀNG A- 408.629,54; Tổng- 418.545,44 (USD)

Lãi quá hạn: NGÂN HÀNG C- 390; NGÂN HÀNG A- 16.071,47; Tổng- 16.461,47

Tổng cộng: NGÂN HÀNG C- 10.305,90; NGÂN HÀNG A- 424.701,01; Tổng- 435.006,91 (USD)

- Tổng lãi của cả hai hợp đồng: NGÂN HÀNG C- 37.678,18; NGÂN HÀNG A- 616.306,94; Tổng : 653.985,12 (USD)

+ NGÂN HÀNG A cung cấp bổ sung các tài liệu thể hiện mức lãi suất Libor 06 tháng (%/năm) được hiện thị trên màn hình REUTER tại trang LIBOR 01, được cung cấp bởi ICE LIBOR Contributor Panel Banks tại thời điểm 11 giờ hàng ngày theo giờ Luân đôn vào các ngày cụ thể như sau:

- Đối với khoản vay tàu Đại Minh (cộng biên độ 1,8%): Ngày 19/5/2017 mức lãi suất 1,41517; Ngày 21/8/2017 mức lãi suất 1,45639 (do ngày 19 và 20/8/2017 là thứ Bảy và Chủ nhật); Ngày 20/11/2017 mức lãi suất 1,63489 (do ngày 19/11/2017 là ngày Chủ nhật); Ngày 21/02/2018 mức lãi suất 2,14550 (do ngày 19 và 20/02/2018 là ngày Tết âm lịch).

- Đối với khoản vay tàu Đại Nam (cộng biên độ 2,0%): Ngày 22/6/2017 mức lãi suất 1,44861; Ngày 22/9/2017 mức lãi suất 1,49683; Ngày 22/12/2017 mức lãi suất 1,83363

+Về tỷ lệ góp vốn thay đổi 94,5% lúc đầu theo hợp đồng đồng tài trợ ngày 26/9/2007 và hiện nay là 97,6% theo dư nợ thực tế giữa NGÂN HÀNG C và NGÂN HÀNG A là do năm 2013, số tiền thu nợ cho NGÂN HÀNG C nhiều hơn

so với tỷ lệ góp vốn nên dư nợ thực tế thay đổi như trên. Các bên (NGÂN HÀNG A, NGÂN HÀNG C và CÔNG TY B) đã có biên bản làm việc ngày 10/5/2017 thống nhất xác định lại tỷ lệ góp vốn này (NGÂN HÀNG C: 2,37%, VIETCOMBANK: 97,63% theo HĐ đồng tài trợ ngày 26/9/2007 số 002/09-2007/HĐ-ĐTT-NGÂN HÀNG CHP) và CÔNG TY B đã xác nhận số tiền nợ gốc đối với NGÂN HÀNG A và NGÂN HÀNG C (theo tỷ lệ trên).

* Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có ý kiến: Giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại Tòa sơ thẩm, NGÂN HÀNG C xác nhận các ý kiến trình bày của VIETCOMBANK là đúng, thừa nhận các mức lãi suất Libor 06 tháng của Vietcombank cung cấp bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm là đúng, chuẩn với các điều kiện theo thỏa thuận trên hợp đồng và đúng với số liệu khai thác, tra cứu trên hệ thống của NGÂN HÀNG C để tính lãi nợ vay của CÔNG TY B. NGÂN HÀNG C thừa nhận tỷ lệ vốn góp theo HĐ đồng tài trợ ngày 26/9/2007 số 002/09-2007/HĐ-ĐTT-NGÂN HÀNG CHP thay đổi là: NGÂN HÀNG C: 2,37%, VIETCOMBANK: 97,63%. NGÂN HÀNG C đề nghị Tòa xét xử theo quy định của pháp luật. NGÂN HÀNG C sẽ tự thỏa thuận giải quyết với CÔNG TY B về khoản nợ vay của CÔNG TY B và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo:

- Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng về cơ bản đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình, tuy nhiên, việc cung cấp các tài liệu, chứng cứ của các đương sự cho nhau để đối chiếu còn chưa kịp thời.

- Về nội dung kháng cáo: Trong giai đoạn phúc thẩm, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, tại phiên tòa bị đơn đã rút kháng cáo về nội dung nguyên đơn đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ các tài sản thế chấp do án sơ thẩm không xét yêu cầu này của nguyên đơn; bị đơn đã xác nhận số tiền nợ gốc cụ thể với NGÂN HÀNG A và NGÂN HÀNG C; tuy nhiên, về số tiền nợ lãi bị đơn đề nghị Tòa án tiếp tục ngừng phiên tòa để các bên đối chiếu tài liệu về mức lãi suất để tính toán cụ thể khoản nợ lãi đối với NGÂN HÀNG A và NGÂN HÀNG C. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục tạm ngừng phiên tòa, tạo điều kiện cho các bên có thêm thời gian cung cấp, đối chiếu tài liệu chứng cứ về mức lãi suất Libor 06 tháng tại thời điểm 11 giờ tại trang Reuters vào các mốc ngày tính lãi kỳ hạn theo thỏa thuận trên các hợp đồng tín dụng đã ký để tính toán số liệu nợ lãi cụ thể. Do vậy, Viện kiểm sát chưa có ý kiến kết luận về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, việc giải quyết xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa.

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp về hợp đồng tín dụng, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2] Về đề nghị tiếp tục tạm ngừng phiên tòa để các bên đối chiếu tài liệu về mức lãi suất, tính toán cụ thể khoản nợ lãi: Trong quá trình đơn đốc thu nợ cũng như giải quyết vụ án cả trong cả giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm, các bên đương sự đã có thời gian dài để tiến hành đối chiếu với nhau về mức lãi suất cụ thể khi CÔNG TY B được NGÂN HÀNG C thông báo về các mức lãi suất tính lãi, về số liệu tiền nợ gốc, nợ lãi. Tại buổi làm việc tại Tòa án nhân dân thành phố ngày 17/7/2017 để đối chiếu số liệu nợ lãi mà CÔNG TY B có ý kiến không nhất trí khi kháng cáo, cả NGÂN HÀNG C và NGÂN HÀNG A đều thống nhất về số liệu tính toán nợ lãi, CÔNG TY B vẫn chưa xác nhận với lý do mức lãi chưa chính xác nhưng không đưa ra được các tài liệu chỉ ra mức lãi suất cụ thể để tính toán, Tòa án đã ấn định thêm thời hạn 07 ngày để các bên cung cấp tài liệu, đối chiếu với nhau về mức lãi suất LIBOR tại các thời điểm, để thống nhất về số liệu..và tại phiên tòa ngày 18/10/2018 Tòa án tiếp tục tạo điều kiện cho CÔNG TY B cùng các bên thực hiện việc đối chiếu mức lãi suất, tính toán cụ thể để thống nhất về số liệu nợ lãi bằng việc ngừng phiên tòa và mở lại phiên tòa vào ngày 26/10/2018. Tại phiên tòa hôm nay NGÂN HÀNG A đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ xác định rõ mức lãi suất Libor 06 tháng vào thời điểm lúc 11 giờ trên trang Reuters tại các thời điểm tính lãi theo kỳ hạn mà các bên đã thỏa thuận trên hợp đồng; các tài liệu, mức lãi suất và số liệu tính được NGÂN HÀNG C thừa nhận phù hợp với số liệu NGÂN HÀNG C tra cứu, khai thác, tính toán trên hệ thống tin học, số liệu chứng từ của NGÂN HÀNG C, CÔNG TY B cũng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ nào chứng minh mức lãi suất Libor khác, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải ngừng phiên tòa như đề nghị của bị đơn và ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Các căn cứ, tài liệu, số liệu tính toán của nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa hôm nay đã rõ ràng, xác thực, cụ thể sẽ được Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn:

[3] Về quyền khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ Quyết định số 286/2002/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 4 năm 2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế đồng tài trợ của các tổ chức tín dụng: Tại Điều 7 quy định: “2. Các thành viên thống nhất lựa chọn tổ chức đầu mối, thành viên đầu mối cấp tín dụng, thành viên đầu mối thanh toán để thực hiện đồng tài trợ. 3. Hình thức cấp tín dụng và phương thức giao dịch giữa các bên tham gia đồng tài trợ với

bên nhận tài trợ phải được các thành viên thỏa thuận thống nhất ghi trong hợp đồng đồng tài trợ”; tại Khoản 2 Điều 14 quy định: “Hợp đồng cấp tín dụng có thể được ký kết giữa các bên tham gia đồng tài trợ với bên nhận tài trợ thông qua thành viên đầu mối cấp tín dụng, hoặc ký trực tiếp giữa tổ chức tín dụng với bên nhận tài trợ phù hợp với quy định tại hợp đồng đồng tài trợ”; tại Điều 17 quy định: “Mọi tranh chấp do vi phạm hợp đồng đồng tài trợ hoặc hợp đồng cấp tín dụng được các bên giải quyết trên cơ sở đàm phán, thỏa thuận. Trường hợp không thể giải quyết được, các bên có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật”. Tại mục 1.7 Điều 1 Hợp đồng đồng tài trợ số 01/02-2007/HĐĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 12 tháng 02 năm 2007; mục 1.7 Điều 1 Hợp đồng đồng tài trợ số 002/09-2007/HĐĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 26 tháng 9 năm 2007, NGÂN HÀNG C và NGÂN HÀNG A đã thỏa thuận: “Ngân hàng đầu mối” là Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hải Phòng, ngân hàng thay mặt và đại diện cho các bên tham gia đồng tài trợ thực hiện tất cả các giao dịch với bên nhận tài trợ liên quan tới việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này cùng với Hợp đồng bảo đảm tiền vay”. Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0020/07/HP ngày 12 tháng 02 năm 2007 và Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP ngày 26 tháng 9 năm 2007 giữa bên nhận tài trợ (CÔNG TY B) và bên đồng tài trợ (gồm NGÂN HÀNG C và NGÂN HÀNG A) do NGÂN HÀNG C là đơn vị đầu mối đại diện ký, đều ghi nhận nội dung: Căn cứ vào các Hợp đồng tài trợ nêu trên. Tại Điều 1 của các hợp đồng tín dụng nêu trên về giải thích từ ngữ cũng đã giải thích rõ: “Bên cho vay là Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng và Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Hải Phòng”. Các Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay ngày 21 tháng 3 năm 2007; Hợp đồng thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai ngày 08 tháng 11 năm 2007 cũng đều ghi nhận bên thế chấp tài sản là NGÂN HÀNG C là Ngân hàng đầu mối theo Hợp đồng tài trợ đã ký kết giữa NGÂN HÀNG C với NGÂN HÀNG A. Đối với Hợp đồng thế chấp tàu biển ngày 25 tháng 7 năm 2013 có ghi bên nhận bảo đảm là NGÂN HÀNG C nhưng nghĩa vụ được bảo đảm là Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP ngày 26 tháng 9 năm 2007; các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng cấp tín dụng nói trên, nên đủ căn cứ kết luận việc NGÂN HÀNG C ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp nêu trên với tư cách là Ngân hàng đầu mối, thay mặt các bên đồng tài trợ (mà NGÂN HÀNG A là một bên tham gia đồng tài trợ) nên NGÂN HÀNG A có đầy đủ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên. Do đó, việc kháng cáo của bị đơn cho rằng NGÂN HÀNG A không có quyền khởi kiện là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về tỷ lệ đồng tài trợ: Theo Hợp đồng đồng tài trợ số 01/02-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 12/02/2007 thỏa thuận tỷ lệ đồng tài trợ: NGÂN HÀNG A: 87,81%, NGÂN HÀNG C: 12,19%, sau đó hai bên thỏa thuận sửa đổi bổ sung tại Phụ lục hợp đồng tài trợ số 01/02-2007/HĐĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 16/03/2007 về tỷ lệ đồng tài trợ: NGÂN HÀNG A: 87,50%; NGÂN HÀNG C: 12,50%. Theo Hợp đồng đồng tài trợ số 002/09-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG

CHP ngày 26/9/2007 thỏa thuận tỷ lệ đồng tài trợ là: NGÂN HÀNG A: 94,5%, NGÂN HÀNG C: 5,5%. Theo Văn bản số 4147/2017/TB-TGDD ngày 08 tháng 12 năm 2017, NGÂN HÀNG C đã xác nhận tỷ lệ đồng tài trợ giữa NGÂN HÀNG C với NGÂN HÀNG A đối với Hợp đồng đồng tài trợ số 002/09-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 26/9/2007 là: NGÂN HÀNG A: 97,63%, NGÂN HÀNG C: 2,37%.; tỷ lệ đồng tài trợ giữa NGÂN HÀNG C với NGÂN HÀNG A đối với Hợp đồng đồng tài trợ số 01/02-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 12/02/2007 là NGÂN HÀNG A: 87,50%; NGÂN HÀNG C: 12,50%. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”* đủ cơ sở xác định tỷ lệ đồng tài trợ của NGÂN HÀNG A và NGÂN HÀNG C như NGÂN HÀNG C đã xác nhận và như yêu cầu khởi kiện của NGÂN HÀNG A. CÔNG TY B cũng đã thừa nhận tỷ lệ trên tại biên bản làm việc ngày 17/7/2018, đối chiếu số liệu nợ giữa các bên do Tòa án chủ trì, thể hiện qua việc CÔNG TY B đã xác nhận, nhất trí số liệu nợ gốc đối với NGÂN HÀNG A theo các hợp đồng tín dụng: số 0020/07/HP ngày 12/02/2007 và số 0097/07/HP ngày 26/9/2007.

[5] Về yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0020/07/HP ngày 12 tháng 02 năm 2007 và Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP ngày 26 tháng 9 năm 2007 được ký kết bởi người có thẩm quyền, nội dung hợp đồng: Hai Ngân hàng hợp vốn đồng tài trợ cho CÔNG TY B thực hiện dự án mua các tàu chở dầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh là phù hợp pháp luật, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên các hợp đồng tín dụng trên có hiệu lực pháp luật, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các cam kết thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thống nhất: Nguyên đơn đã thực hiện đúng hai hợp đồng tín dụng dài hạn, đã giải ngân cho bị đơn vay tổng số tiền nợ gốc là 77.839.300 USD, bị đơn đã nhận đủ số tiền này. Theo các hợp đồng tín dụng dài hạn và Khế ước nhận tiền đều thỏa thuận thời hạn vay là 120 tháng (sau đó được gia thời hạn là 156 tháng) kể từ ngày giải ngân của từng hợp đồng. Đến hạn trả nợ, CÔNG TY B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG A như thỏa thuận nên NGÂN HÀNG A đã chuyển số tiền nợ chậm trả theo kỳ hạn đã thỏa thuận sang nợ quá hạn là phù hợp với khoản 6.4 Điều 6 Hợp đồng tín dụng hạn số 0020/07/HP ngày 12-02-2007 và khoản 6.5 Điều 6 Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP ngày 26-9-2007 mà các bên đã ký kết; phù hợp với quy định tại khoản 4, Điều 1 Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-02-2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Các bên đều thống nhất bị đơn còn nợ số tiền gốc theo hai hợp đồng tín dụng dài hạn đã ký, trong đó nợ nguyên đơn số tiền gốc là 22.693.756 USD. Do vậy, yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn phù hợp pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 56 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung

năm 2004; khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

[6] Về yêu cầu khởi kiện đòi nợ lãi của nguyên đơn: Theo các Hợp đồng tín dụng dài hạn, Phụ lục hợp đồng tín dụng dài hạn và Khế ước nhận nợ số 0020.01/07/HP ngày 22-3-2007, số 0097.01/07/HP ngày 19-11-2007, các bên thỏa thuận về lãi suất như sau: Đối với khoản vay để mua tàu biển Đại Nam: Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất Libor 6 tháng cộng (+) với 2%/năm kể từ ngày 24/3/2014. Đối với khoản vay để mua tàu biển Đại Minh: Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất Libor 6 tháng cộng (+) với 1,8%/năm kể từ ngày 24/3/2014. Ngoài ra, các bên thỏa thuận lãi suất quá hạn của các khoản vay bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đã cung cấp, giao nộp các tài liệu, chứng cứ, số liệu tính toán cụ thể số liệu nợ lãi chính xác theo mức lãi suất quy định (mức lãi suất Libor 06 tháng vào thời điểm lúc 11 giờ trên trang Reuters tại các thời điểm tính lãi theo kỳ hạn cộng với biên độ mà các bên đã thỏa thuận trên hợp đồng.....) theo các hợp đồng tín dụng dài hạn đã ký kết, tính từ thời điểm không trả được nợ gốc đến hạn theo kỳ hạn thỏa thuận của từng khoản vay (từ ngày 18/5/2017 - đối với HĐTD số 0097/07/HP ngày 26/9/2007, và từ ngày 22/6/2017 – đối với HĐTD số 0020/07/HĐ ngày 12/02/2007) đến hết ngày 02/3/2018. Phiếu tính lãi có sự điều chỉnh mức lãi suất theo sự thỏa thuận của các bên trong các hợp đồng tín dụng dài hạn. Lãi suất quá hạn được áp dụng bằng 150% mức lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn. Các số liệu tính lãi điều chỉnh do NGÂN HÀNG A tính toán, cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm và NGÂN HÀNG C đã thừa nhận số liệu tính của NGÂN HÀNG A là đúng theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký. Bị đơn cho rằng chưa có thông tin đầy đủ về mức lãi suất áp dụng để đối chiếu và tính số tiền nợ lãi của mình tại NGÂN HÀNG A và NGÂN HÀNG C nhưng bị đơn không xuất trình tài liệu chứng cứ là tài liệu công bố lãi suất Libor tại các mốc thời điểm khác với mức lãi suất mà NGÂN HÀNG A và NGÂN HÀNG C đã cung cấp, đưa ra tại phiên tòa. Tính đến hết ngày 02-3-2018, CÔNG TY B còn nợ NGÂN HÀNG A số tiền lãi trong hạn quá hạn là 593.945,78 USD; số tiền nợ lãi quá hạn là 22.361,16 USD, tổng cộng là 616.306,94 USD nên cần chấp nhận số liệu tính lãi điều chỉnh trên của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm về số liệu tiền nợ lãi phải trả, bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi trong hạn quá hạn, nợ lãi quá hạn trên cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2004; khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về việc tính chính xác lại tiền nợ lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên.

[6] Về yêu cầu xử lý các tài sản bảo đảm của nguyên đơn: Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay ngày 21 tháng 3 năm 2007; Hợp đồng thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai ngày 08 tháng 11 năm 2007; Hợp đồng thế chấp tàu biển ngày 25 tháng 7 năm 2013 và các văn bản thỏa thuận sửa đổi hợp

đồng đều được ký kết bởi người có thẩm quyền, nội dung hợp đồng phù hợp pháp luật, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các cam kết, thỏa thuận trong hợp đồng. Tại Điều 6 Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 25/7/2013 và Điều 8 Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 08/11/2007 quy định về xử lý tài sản thế chấp phù hợp với quy định tại khoản 7, Điều 351; Điều 355 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 54 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2004; Điều 56 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Theo đó bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xử lý tài sản bảo đảm để thu nợ theo các cam kết, thỏa thuận đã ký trong hợp đồng thế chấp tài sản. Theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn và cung cấp của Cơ quan đăng ký Tàu biển và Thuyền viên khu vực Hải Phòng - Chi cục Hàng hải Việt Nam tại Hải Phòng, Cục Đăng kiểm Việt Nam cũng như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ lập ngày 09/12/2017 đã xác định: Tài sản thế chấp là ba tàu biển Đại Nam, Đại Minh và Fortuner Freighter hiện vẫn thuộc quyền sở hữu, quản lý hợp pháp của CÔNG TY B.

[7] Về tỷ lệ xử lý tài sản bảo đảm: NGÂN HÀNG A và NGÂN HÀNG C cùng hợp vốn cho CÔNG TY B vay tiền theo các Hợp đồng đồng tài trợ và cấp vốn vay theo các hợp đồng tín dụng được bảo đảm bằng các tàu biển Đại Minh, Đại Nam và Fortuner Freighter của CÔNG TY B. Mặc dù NGÂN HÀNG C không có yêu cầu độc lập về việc buộc CÔNG TY B phải thanh toán trả các khoản nợ vay đã quá hạn cho NGÂN HÀNG C theo các Hợp đồng tín dụng dài hạn đã ký, nhưng các tài sản bảo đảm này là tài sản bảo đảm cho các khoản nợ còn lại của CÔNG TY B với các bên đồng tài trợ theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP ngày 26/9/2007 và Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0020/07/HP ngày 12/02/2007. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của NGÂN HÀNG C đối với số tiền đã cho CÔNG TY B vay, thì: NGÂN HÀNG C và CÔNG TY B có quyền tự thỏa thuận, giải quyết với nhau về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nếu không tự giải quyết được thì NGÂN HÀNG C khởi kiện bằng một vụ kiện độc lập khác đối với số tiền CÔNG TY B còn nợ. Trong trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ khi CÔNG TY B không trả được nợ cho NGÂN HÀNG A thì việc thu nợ sẽ thực hiện theo tỷ lệ tiền nợ của CÔNG TY B đối với NGÂN HÀNG A và NGÂN HÀNG C để trả nợ cho NGÂN HÀNG A. Khoản tiền nợ đối với NGÂN HÀNG C sẽ do các bên tự thỏa thuận giải quyết theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Tỷ lệ tiền nợ của CÔNG TY B đối với NGÂN HÀNG A là 97,63%; với NGÂN HÀNG C là 2,37% theo Hợp đồng đồng tài trợ số 002/09-2007/HĐĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 26/9/2007 và tiền nợ của CÔNG TY B đối với NGÂN HÀNG A là 87,5%; với NGÂN HÀNG C là 12,5% theo Hợp đồng đồng tài trợ số 01/02-2007/HĐĐTT- NGÂN HÀNG CHP ngày 12/02/2007.

[8] Về kháng cáo yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Do nguyên đơn không cung cấp, giao nộp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ các tàu biển Đại Nam, Đại Minh,

Fortuner Freighter nên bản án sơ thẩm đã quyết định không xét đối với yêu cầu này của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn đã rút kháng cáo đối với nội dung này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và quyết định đình chỉ việc xét kháng cáo về nội dung yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

[9] Đối với nội dung CÔNG TY B cho rằng mình thuộc đối tượng tái cơ cấu nên việc xử lý nợ đối với bị đơn phải thực hiện theo Nghị quyết 107/NQ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chính Phủ và Công văn chỉ đạo số 1024/NHNN-TD.m ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng: Tuy CÔNG TY B là Doanh nghiệp được Chính phủ phê duyệt phương án tái cơ cấu để tổ chức sắp xếp lại sản xuất kinh doanh, tài chính....theo Nghị quyết 107/NQ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chính Phủ, song CÔNG TY B vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ của mình phát sinh thông qua các giao dịch, các hợp đồng kinh tế đã ký kết trước đó; trong đó buộc CÔNG TY B vẫn phải thực hiện quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp theo quy định của pháp luật. Do vậy, không có căn cứ pháp luật để bác các yêu cầu đòi nợ cũng như đề nghị xử lý tài sản để thu nợ của NGÂN HÀNG A. Trường hợp Tổng Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam (DATC) thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Tài chính thỏa thuận được với NGÂN HÀNG A về việc mua bán khoản nợ trên theo giá thị trường thì bên mua khoản nợ (DATC) sẽ kế thừa thực hiện các quyền và nghĩa vụ của NGÂN HÀNG A, khi đó việc thu nợ và xử lý nợ cụ thể sẽ do người mua nợ quyết định.

[10] Từ những phân tích trên, chấp nhận việc rút một phần yêu cầu kháng cáo, đình chỉ xét xử về nội dung kháng cáo đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ ba tàu biển Đại Minh, Đại Nam và Fortune Freighter là tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng A; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của CÔNG TY B, sửa một phần bản án sơ thẩm về số tiền nợ lãi của CÔNG TY B đối với NGÂN HÀNG A.

[11] Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm kiến nghị các Bộ ngành Trung ương: Bộ Tài chính, Bộ Giao thông Vận tải, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cùng các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan tiếp tục quan tâm, chỉ đạo, hướng dẫn các bên (Tổng Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam, Ngân hàng A...) khẩn trương đề nghị, trung cầu Cơ quan có thẩm quyền, chức năng giám định thực hiện việc xác định giá trị khoản nợ theo giá thị trường, sớm thỏa thuận việc mua bán khoản nợ của NGÂN HÀNG A để hỗ trợ, tạo điều kiện cho CÔNG TY B vượt qua các khó khăn về tài chính, nguồn vốn hoạt động, ổn định sản xuất kinh doanh... thực hiện tốt phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chính Phủ.

[12] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, do bản án sơ thẩm bị sửa nên CÔNG TY B

không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 148, 284, 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 54, 56 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2004; khoản 4 Điều 166 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 35 Bộ luật Hàng hải năm 2005; Điều 122; Điều 124; Điều 323; khoản 7 Điều 351; Điều 355; khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 42/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý xấu của các tổ chức tín dụng; Điều 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; khoản 4 Điều 16 Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/02/2001 về việc ban hành Quy chế cho vay đối với khách hàng; khoản 4, Điều 1 Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-02-2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 286/2002/QĐ-NHNN ngày 03/4/2002 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2003 về việc ban hành Quy chế đồng tài trợ của các tổ chức tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Khoản 2 Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, xử:

I. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu kháng cáo, đình chỉ xét xử về nội dung kháng cáo đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ ba tàu biển Đại Minh, Đại Nam và Fortune Freighter là tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Na.

II. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần B, sửa một phần bản án sơ thẩm về số tiền nợ lãi của Công ty Cổ phần B đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đối với Công ty Cổ phần B về việc: Buộc Công ty Cổ phần B phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Atính đến hết ngày 02/03/2018 (theo các Hợp đồng đồng tài trợ số 002/09-2007/HĐ ĐTT- NGÂN HÀNG CHP ngày 26/9/2007 và Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP ngày 26/9/2007; Hợp đồng đồng tài trợ số 01/02-2007/HĐ ĐTT- NGÂN HÀNG CHP ngày 12/02/2007 và Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0020/07/HP ngày 12/02/2007) tổng số tiền là **23.309.401,31 USD** (Hai mươi ba triệu, ba trăm linh chín nghìn, bốn trăm linh một phẩy ba mươi một đô la Mỹ)

trong đó: Nợ gốc 22.693.756 USD; Nợ lãi trong hạn quá hạn 593.315,25 USD; Nợ lãi quá hạn 22.330,06 USD (tỷ giá theo công bố của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vào ngày 01/03/2018: 1 USD = 22.473 VND).

Chi tiết số tiền nợ theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP ngày 26/9/2007 là: 15.768.457,01 USD, gồm: Nợ gốc 15.343.756,00 USD; Nợ lãi trong hạn quá hạn 408.629,54 USD; Nợ lãi quá hạn 16.071,47 USD;
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0020/07/HP ngày 12/02/2007 là: 7.541.605,93 USD, gồm: Nợ gốc 7.350.000,00 USD; Nợ lãi trong hạn quá hạn 185.316,24 USD; Nợ lãi quá hạn 6.289,69 USD.

Việc trả tiền nợ trên được thực hiện quy đổi theo tỷ giá ngoại tệ, được công bố tại thời điểm trả nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, theo quy định về quản lý ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1.1. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo kỳ hạn trả nợ trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Trường hợp Công ty Cổ phần B không trả được số tiền trên cho Ngân hàng TMCP Athi Ngân hàng TMCP Acó quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp đã ký giữa CÔNG TY B và Ngân hàng đầu mối NGÂN HÀNG C để thu hồi số tiền nợ của Công ty Cổ phần B đối với Ngân hàng TMCP Avới số tiền là **23.309.401,31 USD** (Hai mươi ba triệu, ba trăm linh chín nghìn, bốn trăm linh một phẩy ba mươi một đô la Mỹ), các tài sản thế chấp gồm:

- Tàu biển Đại Minh: Hô hiệu/Số IMO: 3WVA/9282297 loại tàu: Tàu dầu; năm đóng: 2004; nơi đóng: Nhật Bản; theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số HP-OIL-00123-4 ngày 06/01/2017, chủ sở hữu: Công ty Cổ phần B.

- Tàu biển Đại Nam: Hô hiệu/Số IMO: 3WRY/9212474 loại tàu: Tàu trở dầu vỏ kép; năm đóng: 2000; nơi đóng: Nhật Bản; theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số VN-2460-TD ngày 18/02/2008, chủ sở hữu: Công ty Cổ phần B.

- Tàu biển Fortune Freighter: Hô hiệu/Số IMO: XVQH/9168520 loại tàu: Tàu trở Container; năm đóng: 1997; nơi đóng: Nhật Bản; theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số VN-2831-VT do Chi cục hàng hải Việt Nam tại Hải Phòng cấp cho Công ty Cổ phần B ngày 24/04/2012.

(Theo các Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay: Ngày 21/03/2007; Hợp đồng thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai ngày 08/11/2007 và Hợp đồng thế chấp tàu biển ngày 25/7/2013)

1.2.1. Khi phát mại các tài sản bảo đảm nói trên, số tiền thu hồi nợ của Ngân hàng TMCP A được tính theo tỷ lệ số tiền còn nợ của Công ty Cổ phần B với Ngân hàng TMCP C và Ngân hàng TMCP A trên tổng giá trị các tài sản bảo đảm tại thời điểm phát mại. Cụ thể, Hợp đồng đồng tài trợ số 002/09-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 26/9/2007 và Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP ngày 26/9/2007 là 97,63% và Hợp đồng đồng tài trợ số 01/02-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 12/02/2007, Phụ lục hợp đồng tài trợ số 01/02-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 16/03/2007 và Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0020/07/HP ngày 12/02/2007 là 87,5%.

1.2.2. Số tiền thu được từ việc bán tài sản thế chấp được thực hiện theo quy định cụ thể tại các hợp đồng thế chấp đã ký giữa Ngân hàng TMCP C với Công ty Cổ phần Vận tải biển. Trường hợp số tiền bán tài sản lớn hơn khoản nợ phải trả cho Ngân hàng thì phần chênh lệch sẽ trả lại cho bên thế chấp. Tài sản thế chấp sau khi được xử lý nếu không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần B phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả số tiền còn nợ.

1.3. Các tài sản trên còn là tài sản bảo đảm cho các khoản nợ của Công ty Cổ phần B: - Đối với Ngân hàng TMCP C là 2,37%; với Ngân hàng TMCP A là 97,63% (theo Hợp đồng đồng tài trợ số 002/09-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 26/9/2007; Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0097/07/HP ngày 26/9/2007); - Đối với Ngân hàng TMCP C là 12,5%; với Ngân hàng TMCP A là 87,5% (theo Hợp đồng đồng tài trợ số 01/02-2007/HĐ ĐTT-NGÂN HÀNG CHP ngày 12/02/2007 và Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0020/07/HP ngày 12/02/2007). Trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm theo Điểm 1.2. trên thì Ngân hàng TMCP C và Công ty Cổ phần B sẽ tự thỏa thuận, giải quyết, xử lý về khoản nợ giữa hai bên.

2. Về án phí kinh doanh thương mại:

2.1. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần B phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm: $112.000.000 + 0,1\% \times (523.832.175.640 - 4.000.000.000)$ là **631.832.000 đồng** (Sáu trăm ba mươi một triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **311.976.834 đồng** (ba trăm mười một triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, tám trăm ba mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011804 ngày 17/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

2.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần B không phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Khoản tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà Công ty Cổ phần B đã nộp theo

Biên lai thu tạm ứng tiền án phí, lệ phí tòa án số 0014514 ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Kiến nghị Bộ Tài chính, Bộ Giao thông Vận tải, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cùng các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan sớm quan tâm, chỉ đạo, hướng dẫn các bên (Tổng Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam và Ngân hàng A...) khẩn trương đề nghị, trưng cầu Cơ quan có thẩm quyền, chức năng giám định thực hiện việc xác định giá trị khoản nợ theo giá thị trường, sớm thỏa thuận việc mua bán khoản nợ để hỗ trợ, tạo điều kiện cho CÔNG TY B vượt qua các khó khăn về tài chính, nguồn vốn hoạt động, ổn định sản xuất kinh doanh... thực hiện tốt phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chính Phủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng
- TAND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Chính